



CÔNG TY CP ĐƯỜNG NINH HÒA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÍ III CỦA NĂM TÀI CHÍNH BẮT ĐẦU
TỪ NGÀY 01/07/2014 ĐẾN 30/06/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG
NINH HÒA

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 31 tháng 03 năm 2015	2 - 5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ quý III của năm tài chính bắt đầu từ 01/07/2014 đến 30/06/2015	6 - 7
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ quý III của năm tài chính bắt đầu từ 01/07/2014 đến 30/06/2015	8 - 9
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ quý III của năm tài chính bắt đầu từ 01/07/2014 đến 30/06/2015	10 - 29



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Mẫu số B 01a - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý III**Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.035.101.858.273	1.179.354.566.897
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	19.174.647.340	19.932.166.208
1. Tiền	111		19.174.647.340	19.932.166.208
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		150.000.000.000	23.200.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	150.000.000.000	23.200.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		604.561.477.779	784.699.933.427
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	415.451.563.252	350.503.090.878
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	114.345.442.587	127.665.221.217
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	74.950.402.347	306.857.297.692
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(185.930.407)	(325.676.360)
IV. Hàng tồn kho	140		236.684.077.959	343.597.152.010
1. Hàng tồn kho	141	V.6	236.684.077.959	343.597.152.010
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.681.655.195	7.925.315.252
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	15.927.480.438	959.119.791
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		255.483.748	709.218.291
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	8.498.691.009	6.256.977.170

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Mẫu số B 01a – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		862.709.683.059	741.997.779.137
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		349.034.689.371	341.434.946.866
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	299.198.007.058	331.452.211.217
<i>Nguyên giá</i>	222		468.085.240.076	468.493.202.550
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(168.887.233.018)	(137.040.991.333)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	296.240.599	316.966.830
<i>Nguyên giá</i>	228		715.230.534	637.230.534
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(418.989.935)	(320.263.704)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	49.540.441.714	9.665.768.819
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		501.693.490.587	387.834.434.709
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	288.083.680.987	131.406.800.187
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	136.918.628.178	179.525.027.902
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	109.101.234.798	109.101.234.798
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.15	(32.410.053.376)	(32.198.628.178)
V. Tài sản dài hạn khác	260		11.981.503.101	12.728.397.562
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	11.913.003.101	12.659.897.562
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		68.500.000	68.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.897.811.541.332	1.921.352.346.034

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Mẫu số B 01a – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		965.489.286.751	1.067.913.973.248
I. Nợ ngắn hạn	310		826.064.980.770	915.284.925.311
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	682.158.867.712	711.400.179.612
2. Phải trả người bán	312	V.18	78.097.738.269	77.650.872.646
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	5.730.917.010	136.571.044
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	8.343.709.728	18.024.470.609
5. Phải trả người lao động	315		4.224.003.481	10.851.139.921
6. Chi phí phải trả	316	V.21	17.246.272.374	29.770.053.925
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	30.001.802.489	59.884.242.094
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	261.669.707	7.567.395.460
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		139.424.305.981	152.629.047.937
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	139.424.305.981	152.629.047.937
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		932.322.254.581	853.438.372.786
I. Vốn chủ sở hữu	410		932.322.254.581	853.438.372.786
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	607.500.000.000	607.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	12.165.550.000	12.165.550.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.25	111.993.139.098	111.993.139.098
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.25	18.371.956.237	18.371.956.237
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	182.291.609.246	103.407.727.451
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.897.811.541.332	1.921.352.346.034

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**Mẫu số B 01a – DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		3.103.000	5.487.000
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		1.830,79	10.180,39
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Ninh Hòa, ngày 14 tháng 05 năm 2015



Nguyễn Thị Như Hiếu
Người lập biểu



Ngô Thị Thu Trang
Kế toán trưởng



Võ Thị Thủy Tiên
Giám đốc Tài chính



Trần Kim Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Mẫu số B 02a - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý III

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này
			Năm nay (01/01/2015 - 31/03/2015)	Năm trước (01/01/2014 - 31/03/2014)	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	242.638.457.454	193.911.265.518	682.279.751.652
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		349.866.667	-	2.489.308.801
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	242.288.590.787	193.911.265.518	679.790.442.851
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	212.193.702.603	165.548.578.694	563.590.595.145
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.094.888.184	28.362.686.824	116.199.847.706
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	19.097.377.161	5.866.988.493	39.933.877.925
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	23.350.190.377	19.834.333.959	41.200.084.902
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10.791.435.408	6.356.405.932	32.977.138.134
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	2.737.483.172	1.960.039.315	11.892.877.088
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	11.067.949.948	6.631.798.641	26.083.522.354
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.036.641.848	5.803.503.402	76.957.241.287
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.395.960.017	2.791.413.672	257.475.875.564
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.263.579.278	3.217.715.552	254.416.822.119
13. Lợi nhuận khác	40		132.380.739	(426.301.880)	3.059.053.445
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.169.022.587	5.377.201.522	80.016.294.732
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	2.522.515.636	1.246.038.449	912.412.937
					7.509.920.530

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Bảng kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (tiếp theo)**Mẫu số B 02a - DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay (01/01/2015 - 31/03/2015)	Năm trước (01/01/2014 - 31/03/2014)	Năm nay (01/07/2014 - 31/03/2015)	Năm trước (01/07/2013 - 31/03/2014)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	9.646.506.951	4.131.163.073	79.103.881.795	28.373.015.640
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	159	136	1.302	934

Ninh Hòa, ngày 14 tháng 05 năm 2015



Ngô Thị Thu Trang
Kế toán trưởng

Võ Thị Thủy Tiên
Giám đốc Tài chính

Trâm Kim Dũng
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Như Hiếu
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III Niên độ 2014 - 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			(01/07/2014 - 31/03/2015)	(01/07/2013 - 31/03/2014)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		80.016.294.732	35.882.936.170
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		33.439.087.822	21.659.874.006
- Các khoản dự phòng	03		71.679.245	23.715.187.273
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(117.618.904)	1.126.868.053
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(23.530.151.413)	22.266.952.960
- Chi phí lãi vay	06		33.628.353.411	23.223.656.307
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		123.507.644.893	127.875.474.769
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		187.714.345.934	(291.735.256.341)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		106.913.074.051	40.044.640.463
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(18.457.797.382)	17.763.619.116
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(44.598.998.828)	12.634.390.654
- Tiền lãi vay đã trả	13		(37.275.167.433)	(22.542.466.226)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(28.475.332.793)	(22.418.861.459)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		17.021.938.587	12.041.173.752
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(6.736.149.888)	(14.464.376.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		299.613.557.141	(140.801.661.272)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(31.680.961.320)	(71.058.425.563)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(245.112.798.600)	(456.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(35.279.004.150)	(123.493.959.184)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		42.606.399.724	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		20.366.945.626	18.449.062.937
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(227.550.022.153)	(498.168.504.796)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	303.756.600.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.195.884.438.355	1.428.129.876.849
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.238.330.492.211)	(1.084.794.913.999)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(30.375.000.000)	(45.562.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(72.821.053.856)	601.529.062.850
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(757.518.868)	(37.441.103.218)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	19.932.166.208	93.752.549.025
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	357.253
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	19.174.647.340	56.311.803.060



Nguyễn Thị Như Hiếu
Người lập biểu



Ngô Thị Thu Trang
Kế toán trưởng



Võ Thị Thủy Tiên
Giám đốc Tài chính



Ninh Hòa, ngày 14 tháng 05 năm 2015

Trần Kim Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** :
 - Sản xuất đường từ mía và các sản phẩm phụ;
 - Tổ chức thu mua mía cây, đầu tư và phát triển vùng nguyên liệu;
 - Thi công xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng;
 - Gia công chế tạo cơ khí;
 - Mua bán vật tư nông nghiệp, mua bán phân bón;
 - Vận tải hàng hóa đường bộ;
 - Sản xuất phân bón;
 - Kinh doanh dịch vụ kho bãi ;
 - Sản xuất và kinh doanh bán điện;
 - Kinh doanh bất động sản;
 - Mua bán đường; Buôn bán chè, sữa và các sản phẩm sữa;
 - Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
 - Đại lý bán lẻ xăng, dầu, nhớt (trừ dầu nhớt cặn);
 - Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
 - Buôn bán sắt, thép, nhôm, inox;
 - Trồng cây mía;
 - Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng máy móc và thiết bị công nghiệp;
 - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
 - Dịch vụ cơ giới hóa trồng và chăm sóc cây mía;

4. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 Công ty có 537 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 419 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 2 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính từ ngày 01/07/2015.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ. Công việc ghi sổ kế toán được thực hiện trên phần mềm trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác, dự phòng công nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

6. Tài sản cố định vô hình

Giá trị quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao trong thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong thời gian 5 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 48 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời gian 50 năm.

Các chi phí khác

Lệ phí trước bạ quyền sử dụng đất, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của diện tích đất 1.500 m² làm nhà chứa bã mía với thời gian phân bổ 25 năm.

11. Chi phí phải trả.

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Trích lập quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	154.621.874	32.726.504
Tiền gửi ngân hàng	19.020.025.466	19.899.439.704
Cộng	<u>19.174.647.340</u>	<u>19.932.166.208</u>

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Khai Thác và quản lý KCN Đặng Huỳnh	90.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP BIDV - CN. Khánh Hòa	35.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ Phần Bò Giồng Miền Trung	3.000.000.000	1.200.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Nha Trang	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	<u>150.000.000.000</u>	<u>23.200.000.000</u>

3. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa	257.015.431.242	4.831.926.355
Công ty CP Đường Biên Hòa	154.946.045.792	11.886.574.841
Công ty CP Mía Đường Nhiệt Điện - Gia Lai	1.940.000.000	-
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công	-	239.282.853.270
Công ty CP TM Thành Thành Công	-	57.960.000.000
Công ty CP SX - TM Bao Bì Thành Thành Công	-	36.170.870.400
Các khách hàng khác	1.550.086.218	370.866.012
Cộng	<u>415.451.563.252</u>	<u>350.503.090.878</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị đầu tư cho nông dân từ vụ 2008 đến 2012	134.231.037	409.386.784
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2013-2014	1.424.804.573	4.586.407.991
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2014-2015	66.303.195.886	119.920.256.863
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2015-2016	1.447.163.000	-
Công ty TNHH TM ĐT Thuận Thiên	39.643.358.200	-
Công Ty CP Cơ Điện Và Xây Lắp Hùng Vương	2.062.597.880	-
Công ty CP Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh	1.214.000.000	1.214.000.000
Các nhà cung cấp khác	2.116.092.011	1.535.169.579
Cộng	<u>114.345.442.587</u>	<u>127.665.221.217</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa	68.624.868.236	299.447.778.350
Công ty CP Khai thác và quản lý KCN Đặng Huỳnh	3.566.500.000	-
Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công	1.404.590.277	3.758.650.443
Thu hộ Sửa đường Vận chuyển mía	1.237.672.080	-
Công Ty CP Bò Giống Miền Trung	41.791.666	6.337.500
Mua Cổ phiếu Công ty Cổ Phần Mía Đường Phan Rang	-	3.085.078.050
Công ty CP Thương mại Thành Thành Công	-	68.425.000
Các đối tượng khác	74.980.088	491.028.349
Cộng	<u>74.950.402.347</u>	<u>306.857.297.692</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	23.930.760.105	16.386.124.633
Công cụ, dụng cụ	19.671.277	36.955.903
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.066.928.756	527.625.073
Thành phẩm	187.532.572.409	313.255.231.965
Hàng hóa	18.134.145.412	13.391.214.436
Cộng	<u>236.684.077.959</u>	<u>343.597.152.010</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>SDDK</u>	<u>Phát sinh tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí trong kỳ</u>	<u>SDCK</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	129.158.433	568.752.420	(160.512.502)	537.398.351
Chi phí bảo hiểm xe ô tô	40.024.782	7.474.289	(39.264.688)	8.234.383
Chi phí bảo hiểm cháy và các rủi ro đặc biệt	156.676.508	430.596.775	(389.661.681)	197.611.602
Chi phí bảo hiểm cho CBCNV	74.790.491	41.083.200	(115.272.961)	600.730
Chi phí trả trước chờ phân bổ vụ 2014- 2015	-	49.734.437.633	(36.254.944.235)	13.479.493.398
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	558.469.577	1.761.338.312	(615.665.915)	1.704.141.974
Cộng	<u>959.119.791</u>	<u>52.543.682.629</u>	<u>(37.575.321.982)</u>	<u>15.927.480.438</u>

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	684.642.328	472.277.332
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.814.048.681	5.784.699.838
Cộng	<u>8.498.691.009</u>	<u>6.256.977.170</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	38.822.051.936	417.498.613.768	9.854.869.197	2.317.667.649	468.493.202.550
Tăng trong năm	15.171.398.596	3.519.163.294	1.128.125.455	-	19.818.687.345
Mua trong năm	14.066.418	3.519.163.294	1.128.125.455	-	4.661.355.167
KC từ XDCB	15.157.332.178	-	-	-	15.157.332.178
Giảm trong năm	-	(19.293.007.454)	(933.642.365)	-	(20.226.649.819)
Chuyển sang XDCBDD	-	(2.726.313.287)	-	-	(2.726.313.287)
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.409.361.989)	(933.642.365)	-	(2.343.004.354)
Giảm khác	-	(15.157.332.178)	-	-	(15.157.332.178)
Số cuối năm	53.993.450.532	401.724.769.608	10.049.352.287	2.317.667.649	468.085.240.076
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	9.567.138.289	-	82.455.843	9.649.594.132
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	15.740.027.786	117.766.279.424	2.919.129.275	615.554.848	137.040.991.333
Khấu hao trong kỳ	3.645.243.585	28.612.549.779	787.820.486	294.747.741	33.340.361.591
Thanh lý, nhượng bán	-	(798.226.874)	(695.893.032)	-	(1.494.119.906)
Số cuối kỳ	19.385.271.371	145.580.602.329	3.011.056.729	910.302.589	168.887.233.018
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	23.082.024.150	299.732.334.344	6.935.739.922	1.702.112.801	331.452.211.217
Số cuối kỳ	34.608.179.161	256.144.167.279	7.038.295.558	1.407.365.060	299.198.007.058

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử Dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	58.150.600	579.079.934	637.230.534
Mua trong năm	-	78.000.000	78.000.000
Số cuối kỳ	58.150.600	657.079.934	715.230.534
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	320.263.704	320.263.704
Khấu hao trong kỳ	-	98.726.231	98.726.231
Số cuối kỳ	-	418.989.935	418.989.935
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	58.150.600	258.816.230	316.966.830
Số cuối kỳ	58.150.600	238.089.999	296.240.599

Quyền sử dụng đất theo các giấy chứng nhận như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất xã Krong Jing-Huyện MaĐrăc-Tỉnh Đắk Lắk (340 m²).
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thửa 93, 94, 95, 96 thôn Buôn Lác- Xã Ninh Tây-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa.
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thửa 01 thôn Phước Lâm-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa (43.700 m²).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Kỳ này</u>
Số dư đầu năm	9.665.768.819
Phát sinh trong kỳ	56.457.014.059
Kết chuyển sang TSCĐ hữu hình	2.726.313.287
Điều chỉnh giảm	(18.833.259.959)
Xuất chuyên giao TSCĐ cho Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa	(475.394.492)
Số dư cuối kỳ	49.540.441.714

12. Đầu tư vào công ty con

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
<i>Đầu tư cổ phiếu</i>				
Công ty CP Bò Giồng Miền Trung (*)	736.195	15.278.135.340	736.195	15.278.135.340
Công ty CP Mía Đường Phan Rang (**)	3.939.074	45.848.645.647	1.619.198	24.128.664.847
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa (***)	-	212.000.000.000	-	92.000.000.000
Công ty TNHH Tư nhân Đường Ninh Hòa (****)	-	14.956.900.000	-	-
Cộng		288.083.680.987		131.406.800.187

(*) Công ty nắm giữ 736.195 cổ phiếu, tương đương 62,92% vốn điều lệ của Công ty CP Bò Giồng Miền Trung.

(**) Công ty nắm giữ 3.939.074 cổ phiếu, tương đương 87,54% vốn điều lệ của Công ty CP Mía Đường Phan Rang.

(***) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201575358 ngày 09 tháng 10 năm 2013 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế Hoạch Đầu Tư Tỉnh Khánh Hòa cấp; Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa có vốn điều lệ 300.000.000.000 VND là Công ty con có 100% vốn của chủ sở hữu Công ty CP Đường Ninh Hòa. Tại ngày 31/03/2015, Công ty đã đầu tư 212.000.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa là 88.000.000.000 VND.

(****) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 734/BKHĐT-ĐTRNN ngày 12 tháng 08 năm 2014 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp; Công ty TNHH Tư nhân NHSS được thành lập tại Singapore (Sau được đổi tên thành Công ty TNHH Đường Ninh Hòa theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 734/BKHĐT-ĐTRNN-ĐC1 ngày 06/02/2015 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp. Theo Nghị quyết số 186/2014/QĐ-HDQT ngày 04/11/2014) có vốn điều lệ 700.000 USD, tương đương 14.700.000.000 VND là Công ty con có 100% vốn của chủ sở hữu Công ty CP Đường Ninh Hòa. Công ty đã thực

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

hiện chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài vào ngày 09/01/2015 với số tiền là 700.000USD, tương đương 14.956.900.000 VND.

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<i>Đầu tư cổ phiếu</i>				
Công ty CP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai (SEC)	8.800.000	136.918.628.178	8.800.000	136.918.628.178
Công ty CP Mía Đường 333 (S33)	-	-	3.508.981	42.606.399.724
Cộng		136.918.628.178		179.525.027.092

Tại thời điểm 31/03/2015 Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP Mía Đường 333(S33) theo Nghị quyết HĐQT số 255/2014/QĐ-HĐQT ngày 25/12/2014 về việc phê duyệt phương án chuyển nhượng cổ phần S33.

14. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<i>Đầu tư cổ phiếu</i>				
Công ty CP Điện Gia Lai (GEC)	8.050.000	84.000.000.000	8.050.000	84.000.000.000
Công ty CP Giao dịch hàng hóa SGTT	1.500.000	19.500.000.000	1.500.000	19.500.000.000
Công ty CP Nghiên Cứu Ứng Dụng Mía Đường Thành Thành Công	420.000	4.200.000.000	420.000	4.200.000.000
Công ty CP Đường Biên Hòa (BHS)	116.648	1.401.234.798	116.648	1.401.234.798
Cộng		109.101.234.798		109.101.234.798

15. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn của Công ty Cổ Phần Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai (SEC) và Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (BHS).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	32.198.628.178
Trích lập dự phòng bổ sung	9.891.425.198
Hoàn nhập dự phòng	(9.680.000.000)
Số cuối năm	32.410.053.376

16. Chi phí trả trước dài hạn

	SĐĐK	Phát sinh tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	SĐCK
Chi phí công cụ dụng cụ	2.304.092.960	526.485.387	(1.093.114.367)	1.737.463.980
Chi phí quyền sử dụng đất	9.360.129.526	-	(270.145.967)	9.089.983.559
Chi phí trả trước dài hạn khác	995.675.076	316.783.608	(226.903.122)	1.085.555.562
Cộng	12.659.897.562	843.268.995	(1.590.163.456)	11.913.003.101

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**17. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	644.807.912.512	680.795.321.740
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương- CN Khánh Hòa	132.740.013.599	132.552.257.824
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển - CN Khánh Hòa	120.414.937.945	199.707.561.249
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	108.500.000.000	38.500.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Khánh Hòa	101.418.348.331	77.557.681.782
Ngân hàng TMCP Phương Đông-CN Đắk Lắk	70.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, CN TP Hồ Chí Minh	38.956.893.386	-
Ngân hàng TMCP Quốc Tế- CN Khánh Hòa	28.777.719.251	98.977.820.885
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) CN Tp.HCM	22.500.000.000	36.600.000.000
Ngân hàng TM Chinatrust - CN TP.HCM	21.500.000.000	21.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CN1, Tp.HCM	-	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Dương - CN Nha Trang	-	10.900.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Khánh Hòa	-	15.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	37.350.955.200	30.604.857.872
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	37.350.955.200	30.604.857.872
Cộng	682.158.867.712	711.400.179.612

Chi tiết phát sinh về các khoản vay như sau

	Số đầu năm	Số tiền vay trong kỳ	Số đã trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	680.795.321.740	1.170.538.805.855	(1.206.526.215.083)	644.807.912.512
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương- CN Nha Trang	132.552.257.824	257.483.135.061	(257.295.379.286)	132.740.013.599
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển - CN Khánh Hòa	199.707.561.249	229.765.081.106	(309.057.704.410)	120.414.937.945
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	38.500.000.000	128.200.000.000	(58.200.000.000)	108.500.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Khánh Hòa	77.557.681.782	187.488.553.695	(163.627.887.146)	101.418.348.331
Ngân hàng TMCP Phương Đông-CN Đắk Lắk	30.000.000.000	120.000.000.000	(80.000.000.000)	70.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, CN TP Hồ Chí Minh	-	55.979.955.015	(17.023.061.629)	38.956.893.386
Ngân hàng TMCP Quốc Tế- CN Khánh Hòa	98.977.820.885	43.677.719.251	(113.877.820.885)	28.777.719.251
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) CN Tp.HCM	36.600.000.000	74.544.361.727	(88.644.361.727)	22.500.000.000
Ngân hàng TM Chinatrust -	21.000.000.000	42.500.000.000	(42.000.000.000)	21.500.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay trong kỳ</u>	<u>Số đã trả trong kỳ</u>	<u>Số dư cuối kỳ</u>
<i>CN TP.HCM</i>				
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CNI, Tp.HCM</i>	20.000.000.000	20.000.000.000	(40.000.000.000)	-
<i>Ngân hàng TMCP Đại Dương - CN Nha Trang</i>	10.900.000.000	10.900.000.000	(21.800.000.000)	-
<i>Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Khánh Hòa</i>	15.000.000.000	-	(15.000.000.000)	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	30.604.857.872	31.434.032.566	(24.687.935.238)	37.350.955.200
<i>Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)</i>	30.604.857.872	31.434.032.566	(24.687.935.238)	37.350.955.200
Cộng	<u>711.400.179.612</u>	<u>1.201.972.838.421</u>	<u>(1.231.214.150.321)</u>	<u>682.158.867.712</u>

18. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công Ty Hekou Mingcheng Technology & Tradeco., LTD	24.935.946.122	29.919.992.178
Phải trả tiền mua mía nguyên liệu	19.725.856.265	-
Phải trả tiền vận chuyển mía	8.922.944.467	1.736.178.129
Công ty TNHH TM - DT Thuận Thiên	-	15.789.857.000
Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Hiệp Thành	4.140.718.000	1.086.368.000
Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa	3.419.277.950	10.722.557.500
Công ty TNHH TM Hưng Phát Thành	3.355.099.880	245.325.080
Công ty TNHH Hồng Nhung	2.473.375.000	8.203.940.700
Tiền công bốc xếp mía	1.196.185.810	2.178.885
Công ty Cổ Phần Hùng Long	1.171.238.649	254.909.578
Premium Transmission Limited	1.022.494.200	-
Công ty CP SX-TM Bao Bì Thành Thành Công	945.790.949	-
Công ty CP Bao Bì Tín Thành	952.683.600	-
Rieckermann Servicers Limited	913.325.000	-
TRIVENI TURBINE LIMITED	788.701.544	-
Công ty CP BVTV I Trung ương-CN Nam Trung Bộ	642.200.160	2.815.588.314
Công ty TNHH Công Nghiệp Trí Tín	-	75.256.940
Công Ty Cổ Phần Cơ Điện Và Xây Lắp Hùng Vương	-	1.106.627.520
Công ty TNHH MHE-Demag Việt Nam	-	526.244.400
Công ty TNHH MTV THG Việt Nam	-	462.123.775
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công	345.179.976	308.906.925
Các nhà cung cấp khác	3.146.720.697	4.394.817.722
Cộng	<u>78.097.738.269</u>	<u>77.650.872.646</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công	3.729.831.750	-
Bà Trần Thị Ngọc Linh	1.675.000.000	-
Các khách hàng khác	326.085.260	136.571.044
Cộng	<u>5.730.917.010</u>	<u>136.571.044</u>

20. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.186.882.064	38.943.092.468	(37.312.836.080)	5.817.138.452
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.106.546.803	(2.106.546.803)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.467.946.653	(1.467.946.653)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.837.096.905	17.160.751.524	(28.475.332.793)	2.522.515.636
Thuế thu nhập cá nhân	(461.211.979)	3.432.566.368	(2.994.262.324)	(22.907.935)
Thuế tài nguyên	491.640	12.557.280	(8.993.280)	4.055.640
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	41.455.400	(41.455.400)	-
Các loại thuế khác	(248.006.312)	334.838.840	(319.408.341)	(232.575.813)
<i>Thuế Môn bài</i>	-	4.000.000	(4.000.000)	-
<i>Thuế Nhà thầu</i>	(248.006.312)	330.838.840	(315.408.341)	(232.575.813)
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	31.028.089	(31.028.089)	-
Cộng	<u>17.315.252.318</u>	<u>63.530.783.425</u>	<u>(72.757.809.763)</u>	<u>8.088.225.980</u>

(*) Trình bày ở chỉ tiêu các khoản phải thu nhà nước

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất 5%: Đối với sản phẩm đường, phân bón, mật ri, bùn tro, bã mía, thuốc trừ cỏ.

Thuế suất 10%: Đối với hoạt động gia công cơ khí, điện thương phẩm.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.16.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.169.022.587	5.377.201.522
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	443.555.595	286.609.608
- Các khoản điều chỉnh tăng	534.359.872	286.609.608
- Các khoản điều chỉnh giảm	(90.804.277)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Tổng thu nhập chịu thuế	12.612.578.182	5.663.811.130
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	2.522.515.636	1.246.038.449
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.522.515.636	1.246.038.449

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

21. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trích trước chi phí bổ sung cuối vụ, chi phí khuyến mại, hoàn thành hợp đồng, chi phí khuyến nông	12.926.609.319	19.741.466.580
Chi phí vận chuyển	1.049.945.447	1.771.616.818
Chi phí lãi vay	2.756.477.224	6.458.846.802
Chi phí dịch vụ tư vấn	412.055.555	1.053.725.416
Chi phí khác	101.184.829	744.398.309
Cộng	17.246.272.374	29.770.053.925

22. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	85.915.680	59.062.300
BHXH, BHYT, BHTN	71.633.427	-
Phải trả tạm ứng cổ tức	-	30.375.000.000
Sở Tài Chính Khánh Hòa - Ứng vốn	20.000.000.000	20.000.000.000
Phải trả tiền cổ tức	2.847.996.800	2.091.122.000
Phải trả tiền đặt cọc, ký cược	1.868.400.000	294.200.000
Tiền lãi phải trả	1.538.376.701	4.329.806.688
Các khoản phải trả khác	3.589.479.881	2.735.051.106
Cộng	30.001.802.489	59.884.242.094

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ khen thưởng Ban điều hành	Cộng
Số đầu năm	4.286.115.614	2.281.540.301	999.739.545	7.567.395.460
Điều chỉnh quỹ trong năm	-	1.109.044.441	(500.000.000)	609.044.441
Trích quỹ trong năm	-	720.000.000	-	720.000.000
Chi quỹ trong năm	(3.944.296.386)	(4.190.473.808)	(500.000.000)	(8.634.770.194)
Số cuối kỳ	341.819.228	(79.889.066)	(260.455)	261.669.707

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

24. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	93.377.387.869	99.465.787.935
Ngân hàng Cổ phần Thương Mại Á Châu	46.046.918.112	53.163.260.002
Số cuối kỳ	139.424.305.981	152.629.047.937

Chi tiết phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay trong kỳ	Số đã trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Vay dài hạn				
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	99.465.787.935	25.345.632.500	(31.434.032.566)	93.377.387.869
Ngân hàng TM CP Á Châu	53.163.260.002	-	(7.116.341.890)	46.046.918.112
Cộng	152.629.047.937	25.345.632.500	(38.550.374.456)	139.424.305.981

25. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/07/2013	303.750.000.000	12.334.430.000	106.796.342.738	14.387.252.506	120.105.338.439	557.373.363.683
Tăng trong kỳ	-	(208.480.000)	2.424.185.257	1.212.092.628	36.931.483.441	40.359.281.326
Phân bổ lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	(62.190.753.642)	(62.190.753.642)
Phát sinh tăng từ phát hành cổ phiếu 303.750.000.000	-	-	-	-	-	303.750.000.000
Điều chỉnh trong kỳ	-	6.600.000	-	-	-	6.600.000
Số dư tại ngày 31/03/2014	607.500.000.000	12.125.950.000	109.220.527.995	15.599.345.134	94.846.068.238	839.298.491.367
Số dư tại ngày 01/07/2014	607.500.000.000	12.165.550.000	111.993.139.098	18.371.956.237	103.407.727.451	853.438.372.786
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	79.103.881.795	79.103.881.795
Trích quỹ trong kỳ	-	-	-	-	(720.000.000)	(720.000.000)
Điều chỉnh trong kỳ	-	-	-	-	500.000.000	500.000.000
Số dư tại ngày 31/03/2015	607.500.000.000	12.165.550.000	111.993.139.098	18.371.956.237	182.291.609.246	932.322.254.581

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu thuần cung cấp hàng hóa và dịch vụ**

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Tổng doanh thu	242.638.457.454	193.911.265.518
- Doanh thu đường RS	216.770.050.725	160.194.200.710
- Doanh thu mật ri	20.734.909.437	27.615.872.802
- Doanh thu bán bùn, tro	4.203.041.954	2.803.464.508
- Doanh thu điện thương phẩm	-	544.178.659
- Doanh thu khác	930.455.338	2.753.548.839
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(349.866.667)	-
- Hàng bán bị trả lại	(349.866.667)	-
Doanh thu thuần	242.288.590.787	193.911.265.518

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Giá vốn đường RS	186.597.091.649	132.306.035.468
Giá vốn mật ri	20.734.909.396	27.615.872.802
Giá vốn bán bùn, tro	3.971.281.846	2.492.306.021
Giá vốn điện thương phẩm	-	518.263.909
Giá vốn khác	890.419.712	2.616.100.494
Cộng	212.193.702.603	165.548.578.694

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	540.839.368	1.890.284.732
Lãi chứng khoán	17.046.277.276	-
Lãi cho vay + ứng trước hợp đồng+ thanh toán chậm	897.194.443	2.968.340.871
Lãi đầu tư nông dân trồng mía	587.217.939	882.039.577
Doanh thu từ hoạt động tài chính khác	25.848.135	126.323.313
Cộng	19.097.377.161	5.866.988.493

4. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí lãi vay	10.791.435.408	6.356.405.932
Chi phí giao dịch bán chứng khoán	6.018.169.541	-
Chênh lệch tỷ giá	202.568.455	33.909.109
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	6.301.436.398	13.440.000.000
Chi phí tài chính khác	36.580.575	4.018.918
Cộng	23.350.190.377	19.834.333.959

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí nhân viên	156.560.472	114.713.153
Chi phí vận chuyển	2.563.403.200	1.675.503.999
Chi phí bán hàng khác	17.519.500	169.822.163
Cộng	2.737.483.172	1.960.039.315

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.717.750.910	3.869.987.773
Chi phí vật liệu, dụng cụ quản lý	362.137.372	224.497.043
Chi phí khấu hao tài sản cố định	551.851.349	517.142.997
Thuế, phí, lệ phí	14.520.040	12.726.800
Chi phí bằng tiền khác	4.421.690.277	2.007.444.028
Cộng	11.067.949.948	6.631.798.641

7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Thu nhập từ thanh lý	410.783.000	2.500.000.000
Thu nhập từ vi phạm hợp đồng	395.911.254	28.465.412
Thu nhập khác	589.265.763	262.948.260
Cộng	1.395.960.017	2.791.413.672

8. Chi phí khác

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Giá trị còn lại thanh lý tài sản	410.783.000	3.007.950.890
Chi phí khác	852.796.278	209.764.662
Cộng	1.263.579.278	3.217.715.552

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.646.506.951	4.131.163.073
<i>Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.646.506.951	4.131.163.073
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	60.750.000	60.750.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	159	68

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. MỘT SỐ THÔNG TIN KHÁC

1. *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng trong Công ty.

Các giao dịch giữa Công ty với các Thành viên quản lý chủ chốt bao gồm:

Thành viên chủ chốt	Nội dung giao dịch
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	Tiền thù lao trong kỳ là 227.000.000VND, cùng kỳ năm trước là 218.700.000 VND
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Tiền lương, thưởng theo quy chế của Công ty. Thu nhập trong kỳ này là 1.705.994.233 VND, cùng kỳ năm trước là 2.524.668.140 VND

2. *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Bò Giồng Miền Trung	Công ty con
Công ty CP Mía Đường Phan Rang	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa	Công ty con
Công ty CP Mía Đường 333	Công ty liên kết
Công ty CP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn sở hữu 45,11% vốn điều lệ

Các giao dịch trọng yếu phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành Thành Công		
Bán đường thành phẩm, mật ri	20.734.909.437	178.801.011.556
Mua hàng hóa, dịch vụ	313.263.113	166.310.100
Lãi chậm thanh toán, lãi cho vay	120.416.666	1.521.358.223
Thu từ bán đường, mật ri	25.500.000.000	32.750.080.556
Thu tiền lãi chậm thanh toán	283.326.389	-
Thanh toán tiền cung cấp dịch vụ, thiết bị	1.042.196.560	-
Bán thanh lý tài sản	-	2.090.000.000
Cho vay ngắn hạn	-	130.000.000.000
Thu từ cho vay	-	34.000.000.000
Công ty CP Bò Giồng Miền Trung		
Phải thu từ lãi cho vay	43.916.666	-
Tiền thu từ lãi cho vay	63.749.999	-
Cho vay ngắn hạn	3.000.000.000	-
Thanh toán phí quản lý đất	72.000.000	72.600.000
Ứng trước, thanh toán tiền mua mía nguyên liệu	500.000.000	395.160.043
Ứng trước đầu tư trồng mía (phân, thuốc, thiết bị)	139.062.000	558.900.043
Mua mía nguyên liệu	1.342.193.085	1.058.113.001

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa		
Bán bã mía	3.134.034.240	1.720.240.032
Thanh toán tiền mua bã mía, chuyển giao TS	22.042.439.456	-
Xuất chuyển giao TSCĐ	193.823.000	571.111.000
Công ty CP Mía đường Phan Rang		
Xuất trả lưu huỳnh	283.549.984	-
Bán thanh lý tài sản, phế liệu	-	159.390.000
Công ty CP Mía đường Nhiệt điện Gia Lai - SEC		
Bán đường thành phẩm	1.847.619.000	-
Bán thanh lý tài sản	-	600.000.000
Thu từ bán thanh lý tài sản	-	66.000.000

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 số dư công nợ của các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành Thành Công	1.404.590.277	3.758.650.443
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa	257.031.043.821	4.833.546.355
- Phải thu khách hàng (xem thuyết minh V.3)	257.015.431.242	4.831.926.355
- Phải thu khác (xem thuyết minh V.4)	15.612.579	1.620.000
Công ty CP Bò Giồng Miền Trung	9.387.892.723	4.392.788.569
- Phải thu từ đầu tư	6.346.101.057	4.385.251.069
- Cho vay ngắn hạn (xem thuyết minh V.2)	3.000.000.000	1.200.000
- Phải thu khác (xem thuyết minh V.4)	41.791.666	6.337.500
Công ty CP Mía đường Nhiệt Điện Gia Lai	1.940.000.000	-
Cộng nợ phải thu	269.763.526.821	12.984.985.367
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành Thành Công	4.075.011.726	308.906.925
- Phải trả tiền mua hàng hóa cung cấp dịch vụ	345.179.976	308.906.925
- Trả tiền trước về bán hàng hóa	3.729.831.750	-
Công ty CP Bò Giồng Miền Trung	-	72.000.000
Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang	-	199.092.779
Cộng nợ phải trả	4.075.011.726	888.906.629

Ninh Hòa, ngày 14 tháng 05 năm 2015



Nguyễn Thị Như Hiếu
Người lập biểu



Ngô Thị Thu Trang
Kế toán trưởng



Võ Thị Thủy Tiên
Giám đốc tài chính



Trần Kim Dũng
Tổng Giám đốc